Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9018.90.31

Mã HS	9018.90.31
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Dụng cụ và thiết bị điện tử: / - - - Dụng cụ và thiết bị phẫu thuật điện tử hoặc y học điện tử
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 08:10:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90189031/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18095
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18095
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18095
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17409
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17338
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17338
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17338
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17338
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17338
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17338
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17394
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17394
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17394
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17394

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17394
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17394
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17395
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17395
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17395
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17395
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17395
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17395
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17400
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17356
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17352
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17352
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17352
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17352
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17352
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17352
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17398
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17398
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17398
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17398
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17398
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17398
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17460
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17460
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17460
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17460

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17460
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17460
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17436
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17436
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17436
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17436
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17436
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17436
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17431
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17431
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17431
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17431
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17431
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17431
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17461
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17461
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17461
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17461
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17461
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17461
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17460
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17460
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17460
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17460
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17460
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17460

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17554
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17554
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17554
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17554
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17554
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17554
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17554
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17423
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17423
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17423
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17423
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17423
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17423
RCEP B	2022	2022	0	B!D17423
RCEP B	2023	2023	0	B!E17423
RCEP B	2024	2024	0	B!F17423
RCEP B	2025	2025	0	B!G17423
RCEP B	2026	2026	0	B!H17423
RCEP B	2027	2027	0	B!I17423
RCEP C	2022	2022	0	C!D17421
RCEP C	2023	2023	0	C!E17421
RCEP C	2024	2024	0	C!F17421
RCEP C	2025	2025	0	C!G17421
RCEP C	2026	2026	0	C!H17421
RCEP C	2027	2027	0	C!I17421
RCEP D	2022	2022	0	D!D17420

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17420
RCEP D	2024	2024	0	D!F17420
RCEP D	2025	2025	0	D!G17420
RCEP D	2026	2026	0	D!H17420
RCEP D	2027	2027	0	D!I17420
RCEP E	2022	2022	0	E!D17424
RCEP E	2023	2023	0	E!E17424
RCEP E	2024	2024	0	E!F17424
RCEP E	2025	2025	0	E!G17424
RCEP E	2026	2026	0	E!H17424
RCEP E	2027	2027	0	E!I17424
RCEP F	2022	2022	0	F!D17423
RCEP F	2023	2023	0	F!E17423
RCEP F	2024	2024	0	F!F17423
RCEP F	2025	2025	0	F!G17423
RCEP F	2026	2026	0	F!H17423
RCEP F	2027	2027	0	F!I17423
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16337
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16337
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16337
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16337

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9018.90 có 5 dòng thuế; dòng 9018.90.31 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dụng cụ và thiết bị phẫu thuật điện tử hoặc y học điện tử.	9018.90.10 Đèn sợi quang loại dùng đeo trên đầu, được thiết kế dùng trong y học(SEN); 9018.90.20 Bộ theo dõi tĩnh mạch; 9018.90.39 Loại khác; 9018.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9018.90.31 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9018.90.31	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9018.90.31. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9018.90.31 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18095), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.